

BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT – PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS) PENETRON ADMIX[®]

Sản phẩm: Penetron Admix[®] / Penetron Admix[®] SB

Phiên bản: F11

Ngày phát hành: 01/06/2007

Ngày cập nhật: 03/11/2015

MỤC 1: NHẬN DẠNG SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

1.1. Định danh sản phẩm

- Tên sản phẩm: **Penetron Admix[®], Penetron Admix[®] SB**
- Mã sản phẩm: Không có thông tin.

1.2. Mục đích sử dụng

- Bảo vệ bê tông.
- Giảm tính thấm của bê tông.

1.3. Thông tin nhà cung cấp

[Penetron International](#)

45 Research Way, Suite 203

East Setauket, New York 11733, Hoa Kỳ

Điện thoại: +1 (631) 941-9700

Email: info@penetron.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

- CHEMTREC Hoa Kỳ và Canada: **1-800-424-9300**
- Quốc tế: **+1-703-527-3887**

MỤC 2: NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại theo GHS

- Kích ứng da cấp độ 2.
- Gây tổn thương mắt nghiêm trọng cấp độ 1.

Từ cảnh báo

NGUY HIỂM

Cảnh báo nguy hại



- Gây kích ứng da.
- Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Biện pháp phòng ngừa

- Rửa tay kỹ sau khi thao tác.
- Mang găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ và tấm che mặt.
- Nếu tiếp xúc với da: rửa bằng nhiều nước sạch.
- Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
- Nếu kích ứng da kéo dài: tham khảo ý kiến bác sĩ.
- Nếu dính vào mắt: rửa ngay bằng nước sạch liên tục trong vài phút, tháo kính áp tròng nếu có thể và tiếp tục rửa.
- Gọi cấp cứu hoặc bác sĩ ngay lập tức nếu tổn thương mắt xảy ra.

MỤC 3: THÀNH PHẦN

Thành phần	Hàm lượng
Xi măng Portland	65 – 80%
CTS-15-1 (bí mật thương mại)	10 – 30%
CTS-15-2 (bí mật thương mại)	5 – 10%
Hydroxit magie canxi $\text{CaMg}(\text{OH})_4$	1,5 – 6%
Oxit hydroxit magie canxi $\text{CaMg}(\text{OH})_2\text{O}$	1,5 – 6%
Hydroxit canxi $\text{Ca}(\text{OH})_2$	1,0 – 2%

Thành phần chính xác được giữ bí mật thương mại theo quy định OSHA Hoa Kỳ.

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải

- Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí.
- Nếu khó thở hoặc khó chịu cần được chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da

- Rửa ngay bằng nhiều nước.



- Cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn.
- Nếu kích ứng kéo dài cần đi khám bác sĩ.

Tiếp xúc với mắt

- Rửa mắt bằng nước sạch liên tục ít nhất 15 phút.
- Tháo kính áp tròng nếu có.
- Đến cơ sở y tế ngay lập tức.

Nuốt phải

- Không được gây nôn nếu không có chỉ định của nhân viên y tế.
- Không cho người bất tỉnh uống bất cứ thứ gì.
- Tìm kiếm hỗ trợ y tế nếu cảm thấy không khỏe.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp với đám cháy xung quanh.
- Sản phẩm không dễ cháy.
- Khi cháy có thể sinh ra oxit cacbon.
- Lực lượng chữa cháy phải sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ và bình dưỡng khí độc lập.

MỤC 6: XỬ LÝ SỰ CỐ TRÀN ĐỔ

- Sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ cá nhân.
- Hạn chế người không có nhiệm vụ tiếp cận khu vực sự cố.
- Thu gom bằng cát hoặc vật liệu trơ.
- Không xả vào hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước tự nhiên.
- Hút bụi hoặc quét gom, tránh phát sinh bụi.

MỤC 7: BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG

Khi sử dụng

- Tránh tiếp xúc với mắt và da.
- Không hít bụi sản phẩm.

- Không ăn uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.

Bảo quản

- Để xa tầm tay trẻ em.
- Bảo quản trong bao bì gốc, kín.
- Lưu trữ nơi khô ráo, thoáng mát.
- Tránh ánh nắng trực tiếp và độ ẩm.
- Không bảo quản cùng thực phẩm hoặc đồ uống.

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Thiết bị bảo hộ khuyến nghị

- Găng tay cao su hoặc PVC.
- Kính bảo hộ chống bụi hoặc hóa chất.
- Quần áo bảo hộ phù hợp.
- Khẩu trang chống bụi đạt tiêu chuẩn NIOSH trong khu vực thông gió kém.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

- Xi măng Portland:
 - OSHA PEL: 15 mg/m³ (bụi tổng)
 - OSHA PEL: 5 mg/m³ (bụi hô hấp)
- Hydroxit canxi:
 - ACGIH TWA: 5 mg/m³

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Rắn
Dạng	Bột
Màu sắc	Xám
Mùi	Không mùi



Thuộc tính

Giá trị

pH dung dịch 10% 10 – 13

Điểm nóng chảy >1000°C

Tính cháy Không cháy

MỤC 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bảo quản thông thường.
- Phản ứng với nước tạo dung dịch kiềm.
- Tránh:
 - Nhiệt độ cao.
 - Nước.
 - Vật liệu không tương thích.
- Không tương thích với axit mạnh.

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

- LD50 đường uống (chuột): >2000 mg/kg.
- LD50 qua da (thỏ): >2000 mg/kg.

Ảnh hưởng sức khỏe

- Gây kích ứng da.
- Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- Có thể gây bỏng khi tiếp xúc với độ ẩm.

Đánh giá khác

Không được phân loại là:

- Chất gây ung thư.
- Chất gây đột biến gen.
- Chất ảnh hưởng sinh sản.

- Chất gây độc cơ quan đích.
-

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không ghi nhận nguy cơ đáng kể đối với môi trường.
 - Chưa xác định khả năng tích lũy sinh học.
 - Không ghi nhận tác động đến hiện tượng nóng lên toàn cầu.
-

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Phải xử lý theo quy định địa phương và quốc gia hiện hành.
 - Hạn chế phát sinh chất thải trong quá trình sử dụng.
-

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- Sản phẩm **không thuộc danh mục hàng nguy hiểm trong vận chuyển theo DOT Hoa Kỳ.**
 - Không có yêu cầu vận chuyển đặc biệt.
-

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tất cả thành phần đều nằm trong hoặc được miễn trừ khỏi danh mục TSCA của Hoa Kỳ.
 - Không chứa hóa chất được bang California xác định gây:
 - Ung thư;
 - Dị tật bẩm sinh;
 - Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 01/06/2007
- Ngày sửa đổi gần nhất: 03/11/2015
- Tài liệu được cung cấp trên cơ sở thông tin kỹ thuật hiện có và không cấu thành bảo hành hoặc cam kết về tính phù hợp cho mọi mục đích sử dụng cụ thể.

Tài liệu gốc là **Safety Data Sheet (SDS) của Penetron Admix[®] và Penetron Admix[®] SB** do Penetron International phát hành.

